

YẾU TỐ VIỆT TRONG TIẾN TRÌNH GIAO LƯU, TIẾP XÚC VĂN HÓA TẠI LÀO

Kham Pheng THIPMOUNTALY*

Lào và Việt Nam là hai quốc gia láng giềng, có chung tới 2067km đường biên giới. Hai quốc gia đã giao hảo với nhau từ rất lâu đời. Tới thời kỳ cận hiện đại, cả Lào và Việt Nam đều nằm trong “Liên bang Đông Dương thuộc Pháp”, do đó có nhiều lính khố xanh, công chức, viên chức, phu mỏ, cu li làm đường, công nhân đồn điền và những người thợ, những người làm việc trong các ngành dịch vụ... là người Việt Nam đã tới Lào làm ăn sinh sống. Đội ngũ người Việt Nam đông đảo này đã mang tới Lào lối sống - văn hóa của người Việt. Bước vào thời kỳ hiện đại, cả Lào và Việt Nam đều cùng chung một chiến trường, cùng nhau đánh Pháp, đuổi Nhật, đánh Mỹ. Khi hòa bình lập lại, bắt tay vào công cuộc khôi phục và phát triển đất nước sau chiến tranh thì mỗi nước lại dành cho nhau mọi sự giúp đỡ trên tinh thần láng giềng, anh em bè bạn.

Quá trình tiếp xúc lâu dài như vừa đề cập trên đây một mặt đã tạo tiền đề thuận lợi để hai nền văn hóa có cơ hội tiếp xúc giao lưu và chịu tác động lẫn nhau. Mặt khác, qua quá trình lịch sử như trên mà một cộng đồng người Việt Nam đã tới định cư làm ăn sinh sống trên đất Lào, coi Lào

như là quê hương thứ hai của mình. Cộng đồng hàng chục ngàn người này đã mang tới Lào nền văn hóa truyền thống của họ, trực tiếp giao lưu tiếp xúc và chia sẻ lẫn nhau về những giá trị văn hóa của mỗi bên. Sự giao thoa văn hóa như vừa nói đã hình thành nên những giá trị văn hóa mới chung cho cả người Lào lẫn người Việt sống trên đất Lào. Trong phạm vi của công trình nghiên cứu nhỏ này, chúng tôi chỉ bàn tới giao lưu văn hóa Việt-Lào thông qua cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên đất Lào.

Như đã đề cập ở trên, cộng đồng người Việt sinh cơ lập nghiệp ở trên đất Lào với một khoảng thời gian khá lâu dài. Vậy, họ có chịu ảnh hưởng văn hóa Lào không? Đây là một câu hỏi đặt ra cho chúng ta suy ngẫm khi tiến hành nghiên cứu cộng đồng người Việt ở Lào. Đây cũng là một câu hỏi khá lý thú và hóc búa. Với khả năng có hạn, chúng tôi không có tham vọng làm sáng tỏ tất cả vấn đề đó mà chỉ xin nêu một đôi điều sơ lược về vấn đề vừa nói.

Đa phần người Việt là nông dân trồng lúa nước, sống ở nông thôn trong các làng xã có cơ cấu xã hội rất chặt chẽ của Việt Nam. Khi đến Lào, đa phần họ lại tập

* TS. Kham Pheng THIPMOUNTALY, Viện Nghiên cứu Dân tộc và Tôn giáo Lào.

trung sinh sống tại các thị trấn, thị xã, hoặc là các thành phố lớn. Trong điều kiện môi trường sống đã thay đổi, họ phải kiếm các công ăn việc làm khác để sinh tồn. Để kiếm sống, đa phần người Việt ở Lào đã lựa chọn nghề buôn bán nhỏ, số còn lại tập trung hoạt động trong các ngành dịch vụ, một bộ phận đã nhập quốc tịch Lào lâu ngày cũng được chấp nhận làm công nhân, viên chức trong hệ thống cơ quan nhà nước Lào. Mặc dù là cư dân nông nghiệp rất thành thạo làm lúa nước nhưng số người Việt đến Lào làm ruộng để kiếm sống chiếm một tỷ lệ rất thấp (6% trong cả nước) (Nguyễn Duy Thiệu:2006). Sự chuyển đổi về phương thức kiếm sống này là tiền đề để họ chuyển đổi lối sống theo hướng xa rời dần lối sống truyền thống của cha ông của họ ở quê nhà.

Từ trong lịch sử thăng trầm của quá trình định cư, quá trình cộng đồng người Việt hòa nhập vào xã hội Lào cũng là quá trình họ từng bước hội nhập vào văn hóa Lào và từng bước họ khẳng định sự nối kết không tách rời với đất mẹ Việt Nam. Phân tích một số thành tố văn hóa cụ thể (mà ở đây chúng tôi chọn *Tiếng nói*, tín hiệu văn hóa đặc trưng; *Nghi lễ hôn nhân*, nghi lễ quan trọng trong các nghi lễ vòng đời người; *Tín ngưỡng tôn giáo* và *Ăn, Ở, Mặc* thuộc về lĩnh vực văn hóa vật chất và văn hóa phi vật thể của cộng đồng người Việt ở Lào, chúng ta sẽ thấy rõ hơn quá trình này.

Tiếng nói: Trên văn bản giấy tờ mang tính chất hành chính nhà nước và trong trường học, cộng đồng người Việt ở Lào dùng tiếng Lào phổ thông. Tiếng phổ thông là một thứ tiếng được dùng trong giao tiếp nhưng không phải ai ai cũng có thể nói và viết được tiếng phổ thông (tiếng Lào).

Ngoài thứ tiếng trên, cộng đồng người Việt ở Lào cho đến nay vẫn nói tiếng Việt

(Kinh) trong phạm vi gia đình và làng (làng Xiêng Vang, huyện Nông Bốc, tỉnh Khăm Muộn). Tiếng Việt ở đây được truyền dạy cho các thế hệ sau theo qui định chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục Lào cụ thể như sau:

Tại các trường con em của cộng đồng người Việt ở Lào, các lớp mẫu giáo thì dạy tiếng Việt hoàn toàn. Khi lên cấp I: Từ lớp 1 đến lớp 3, một tuần có 3 tiết dạy tiếng Việt; từ lớp 4 đến lớp 5, một tuần có 2 tiết dạy tiếng Việt và từ lớp 6 đến cấp II là học tiếng Lào (tiếng phổ thông) hoàn toàn. Theo tư liệu điều tra tại các tỉnh (Thủ đô Viêng Chăn, Xiêng Khoảng, Luông Phạ Bang, Khăm Muộn, Savannakhet, Champasak, tháng 5,7 năm 2006) nơi có cộng đồng người Việt sinh sống, cho chúng ta thấy rằng trong các gia đình người Việt, hiện tượng song ngữ (tức là dùng tiếng Việt lẫn tiếng Lào) là phổ biến.

Như vậy, có thể nói hai thứ tiếng cùng sử dụng trong đời sống hàng ngày của cộng đồng người Việt ở Lào (đó là chưa kể trẻ em ở đây đến trường còn được dạy thêm tiếng Anh nữa) đã thể hiện sự giao lưu hội nhập văn hóa rất rõ nét ở đây, tiếng Việt bị Lào hóa. Điều đáng chú ý là xu hướng giao lưu tất yếu ấy vẫn song hành với xu hướng duy trì và bảo tồn tiếng Việt. Cộng đồng người Việt tại Lào khi định cư nơi đất mới đã giữ lại cho mình tiếng nói nơi cố hương và duy trì nó đến hiện nay.

Nghi lễ hôn nhân: Trong hôn lễ của cộng đồng người Việt ở Lào, trường hợp ở rể là hiếm có, thông thường khi cưới xong, con gái về nhà chồng. Trong ngày cưới, cô dâu mặc áo dài theo kiểu Việt Nam, khi đi ăn tiệc tối thì mặc kiểu Tây (mặc áo vét, thắt ca vát và đi dày da).

Tuy nhiên, trường hợp người Việt kết hôn với người Lào hoặc người Lào kết hôn

với người Việt thì nghi lễ kết hôn được tổ chức nửa theo phong tục Việt, nửa theo phong tục Lào. Khi con gái Việt lấy chồng là người Lào thì đa phần con trai Lào về nhà gái ở rể (vì theo phong tục người Lào là ở rể). Khi con trai Lào lấy vợ là người Việt thì hai gia đình thống nhất với nhau, sau đó nhà gái (Việt) cử một người sang nhà trai (Lào) để chuẩn bị các đồ lễ theo phong tục của người Việt, sau đó nhà trai sẽ mang đồ cưới đó đến nhà gái và tiến hành nghi lễ theo phong tục Việt. Trong ngày lễ này, con trai Lào sẽ mặc kiểu Lào (mặc xà rồng, áo cổ tròn dài tay, cúc áo bằng vải, người Lào gọi là áo *Cui hênh*). Còn cô dâu Việt mặc áo dài kiểu truyền thống người Việt.

Tín ngưỡng tôn giáo: Người Việt đến Lào đã tự xây chùa để thờ tự, người Việt theo Phật giáo Đại thừa, còn người Lào theo Phật giáo Tiểu thừa. Chùa Lào là nơi để thờ Phật tổ Thích Ca, còn chùa Việt lại có ít nhất là ba bộ phận hợp thành: kiểu “tiền Phật hậu tổ, tiền tổ hậu linh” và người Việt thờ nhiều loại Phật: Phật, Bồ Tát, Quan Âm, La Hán. Nhưng trong đời sống thực tế thì người Việt đi chùa người Lào và người Lào cũng đi tu ở chùa người Việt, trong nhà một số gia đình có cả bàn thờ Phật Việt, Phật Lào và bàn thờ tổ tiên.

Theo tài liệu điều tra trên thực địa nơi mà có cộng đồng người Việt sinh sống (các tỉnh Khăm Muộn, Savannakhet, Champasac... tháng 5, 7 năm 2006) cho chúng ta thấy một điều rất lý thú là tại chùa Bồ Đề, Thà Khéc, tỉnh Khăm Muộn thì có cả Bồ Tát, Thích Ca, Quan Âm, thờ tổ, Mẫu và thờ Thánh. Cứ đến rằm tháng Giêng và tháng 7 hàng năm, bà con ở các nơi (già, trẻ gái, trai...) đều đến thắp hương lễ vái cầu may, cầu phúc lộc... Đặc biệt, ở cạnh ngôi chùa này còn có một cái đền gọi là đền Mẫu. Tại đây, cứ vào ngày 3 tháng

3 hàng năm là ngày thờ Mẫu và ngày 20 tháng 8 hàng năm là ngày thờ thánh Trần, bà con người Việt ở các nơi cũng đổ về khấn vái cầu may. Tại bản Xiêng Vang, huyện Nông Bốc, tỉnh Khăm Muộn, bà con cộng đồng người Việt ở đây đa phần là theo Công giáo nhưng trong làng vẫn có một cái miếu gọi là miếu Thái Giám. Về sự tích của miếu này, dân làng kể lại rằng: miếu Thái Giám là ngôi mộ của một người Hán, ông là người đầu tiên có công khai phá vùng đất này, nên dân làng mới mở lòng nhân từ thờ cúng. Trong lời cúng của dân làng có câu:

“Tiên hiền khai sáng thiết lập

Xã hiệu là Đàng Văn Phèn”.

Cũng tại đây, dân làng thờ cúng 12 vị, cứ một năm thờ cúng một vị luân phiên nhau. Ngoài ra, họ còn tổ chức cúng rằm tháng Giêng và rằm tháng 7. Khi đến hai ngày lễ đó, bà con cộng đồng người Việt ở Savanna khét, Khăm Muộn đều đổ về lễ vái cầu may, cầu phúc lộc... Tại đây, 30 năm trước còn có lễ tế huyết. Hiện nay, trong ngày lễ vẫn có lễ rước gọi là lễ tiếp linh. Lễ rước xuất phát từ miếu đến sông Mê Công múc lấy nước (gọi là nước tiên) rồi rước về miếu để thờ cúng, cầu may cho dân làng được an vui, mùa màng tươi tốt. Trước đây, trong ngày lễ này có hát ca trù do dân làng hát nhưng ngày nay không còn ai biết hát nữa.

Cũng theo tài liệu điều tra trên thực địa tại các tỉnh vừa trình bày, thì đa số bà con cộng đồng người Việt theo đạo Công giáo, thực tế mà nói đạo công giáo có một sự qui định rất chặt chẽ. Trái lại, đạo Công giáo ở tỉnh Khăm muộn và Savannakhet nếu so với Công giáo ở Việt Nam thì có phần cởi mở hơn. Thí dụ: khi có một người con trai theo đạo Công giáo muốn kết hôn với một người con gái theo đạo Phật cũng được bằng cách người con gái ấy phải học các qui

định của đạo Công giáo trước 6 tháng, sau đó mới vào nhà thờ làm lễ đính hôn trước Chúa được. Trường hợp ngược lại, khi một người con trai theo đạo Phật muốn kết hôn với một cô gái theo đạo Công giáo, thì người con trai ấy cũng phải học các điều qui định của đạo Công giáo trong 6 tháng thì mới có thể vào nhà thờ để làm lễ đính hôn trước Chúa được.

Riêng bộ phận cộng đồng người Việt theo đạo Công giáo thì họ vẫn được quyền thờ cúng tổ tiên ở trong nhà mà nhà thờ cũng cho phép họ. Điều này rất khác biệt với Công giáo ở Việt Nam (ở Việt Nam những người theo đạo Công giáo thì bỏ thờ cúng tổ tiên).

Tuy vậy, tín ngưỡng tôn giáo của cộng đồng người Việt ở Lào vẫn giữ được sợi dây liên kết chưa bao giờ đứt đoạn với tín ngưỡng tôn giáo truyền thống của người Việt trong nước. Vẫn tiếng Việt, vẫn những tục lệ liên quan đến nghi lễ nông nghiệp như lễ rước nước tiên, thờ cúng tổ tiên... chứng tỏ dấu ấn văn hóa nơi đất mẹ Việt Nam vẫn tồn tại trong cộng đồng người Việt ở Lào. Là sự tổng hợp hài hòa của các yếu tố văn hóa Việt, Lào nhưng cuối cùng vẫn hiện hữu yếu tố văn hóa Việt. Đó là sự tiếp thu đầy sáng tạo của những con người trụ lại nơi đất khách, một mặt thích nghi với văn hóa mới, mặt khác vẫn giữ những nét độc đáo riêng.

Ăn: Món ăn truyền thống của người Việt là cơm, cá, rau và trong các món ăn của họ thường không cay, không vị đắng và chát... Nhưng khi cộng đồng người Việt đến Lào, do cộng cư với người Lào với thời gian khá lâu, nên sở thích về ăn của họ cũng biến đổi theo người Lào. Theo tài liệu điều tra trên thực địa (tháng 5, 7 năm 2006), đa phần người Lào gốc Việt thích ăn các món ăn của người Lào như: *lap* (*lap*

làm bằng thịt bò, trâu, bò, lợn, gà, vịt... và làm bằng cá các loại... Trường hợp *lap* thịt thì người ta sẽ băm nhỏ thịt rồi trộn với các loại gia vị như: bột gạo rang thật kỹ, ớt, tỏi thái nhỏ, lá hành tươi, các loại rau thơm, nước *pa đec* nấu chín tức mắm cá của người Lào. Nếu thích vị chua thì vắt thêm chanh, nếu thích *phèo* (nấu chín) thì trộn thêm vào; *Lap* cá thì cũng làm tương tự như *lap* thịt). Canh măng Lào (gồm có măng tươi thái nhỏ, lá *nha nang* vắt lấy nước có màu xanh, ớt tươi, củ sả, *phắc nâu*, mộc nhĩ, rau bí, *pa đec*, rau ngổ rồi đem nấu trộn với nhau, rau cho vào sau khi măng đã chín). *Chèo pa đec* (có ớt, tỏi khô nướng giã với cá mắm của Lào, trộn với gia vị). Nộm đu đủ Lào (băm đu đủ xanh thái nhỏ, ớt, tỏi, *pa đec*, chanh tươi, mỳ chính, trước tiên giã ớt, tỏi cho nhuyễn rồi bỏ đu đủ vào trộn lên, sau đó cho các gia vị vào). Cá nướng, thịt nướng (cá nướng cả con, thịt nướng miếng to)... ăn với xôi.

Cũng theo điều tra trên thực địa thì đa số cộng đồng người Việt ở Lào, bữa ăn buổi sáng, buổi trưa họ thường ăn xôi với thức ăn Lào, buổi chiều thì họ ăn cơm tẻ với món ăn Việt. Có thể nói, hiện nay chỉ còn một số ít người già vẫn thích ăn các món ăn truyền thống Việt Nam.

Mặc: Theo truyền thống của người Việt Nam, thông thường người phụ nữ mặc quần đen, áo bà ba dài tay màu đen hoặc màu nâu, còn đàn ông thì mặc quần ống rộng, áo cổ tròn dài tay màu đen hoặc màu nâu. Nhưng khi di cư sang Lào, do sống cộng cư với người Lào trong khoảng thời gian khá lâu nên cách ăn mặc của cộng đồng người Việt ở Lào đã có sự đổi thay. Tài liệu điều tra trên thực địa nơi có cộng đồng người Việt ở Lào cho chúng ta thấy: đa phần người Việt ăn mặc theo kiểu hiện đại theo một thời trang, có thể nói, lớp trẻ ngày nay không nhận thức được xưa kia tổ

tiên của chúng ăn mặc như thế nào nữa.

Tuy nhiên, cũng có một số phụ nữ người Lào gốc Việt họ hay mặc váy như phụ nữ Lào. Còn một số khác, trong lúc đi lễ ở chùa Lào hoặc lúc đi liên hệ công việc trong các công sở của Lào, họ cũng mặc váy Lào. Trong lễ cưới, trường hợp cô dâu Việt, rể Lào thì cô dâu Việt cũng hóa trang, ăn mặc theo kiểu Lào.

Ở: Như đã trình bày ở trên, đa phần người Việt là nông dân trồng lúa nước, sống ở nông thôn trong các làng xã có cơ cấu xã hội rất chặt chẽ của Việt Nam. Khi đến Lào, đa phần họ lại tập trung sinh sống tại các thị trấn, thị xã, hoặc là các thành phố lớn. Do đó, nhà cửa của họ cũng đổi thay và được bố trí theo lối phố phường. Sự bố trí trên mặt bằng của từng gia đình cũng có phần đổi thay theo chiều hướng hiện đại, xa rời với tập quán xưa kia ở nơi cố hương. Tài liệu điều tra trên thực địa ở thủ đô Viêng Chăn, tỉnh Xiêng Khoảng, Khăm Muộn, Savannakhet và Champasak (tháng 5, 7 năm 2006) cho chúng ta thấy rằng sự qui định nơi sinh hoạt của các thành viên trong một gia đình cộng đồng người Việt không tuân theo tập quán xưa kia nữa, mà qui định chỗ ngủ của người cao tuổi, bố, mẹ làm sao cho tiện lợi trong sinh hoạt hàng ngày, còn các thành viên khác (con cái, con dâu, con rể) cũng có nơi sinh hoạt riêng.

Tuy vậy, bàn thờ tổ tiên của các hộ gia đình vẫn được đặt ở nơi cao ráo, linh thiêng. Nhưng một điều lý thú ở đây là trong nhà của một số gia đình cộng đồng người Việt, ngoài thờ cúng tổ tiên ra, còn thờ Phật (Quan Âm, Bồ Tát, Thích Ca), thậm chí thờ cúng cả Nang Quốắc (thần phù hộ trong việc làm ăn buôn bán - theo ý niệm của người Lào).

Tóm lại, do sinh sống ở trên đất Lào với

thời gian khá lâu dài, cùng với sự chuyển đổi về kinh tế thì lối sống, văn hóa của cộng đồng người Việt ở Lào cũng chuyển đổi theo luồng văn hóa của dân bản địa. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Codominas Georges (1970) *The Lao*. In *Laos: War and revolution*, edited by Nina S. Adam and Alfred W. McCoy. New York: Harper and Row.
2. Coedès, G., *Les Peuples de la Péninsule Indochinoise*, Paris: Dunod, 1962.
3. Dej Vongsa, Soulang, *Lao Language, Literature and the Southeast Asian Civilizations*. Vientiane: Lao Academy, 1974.
4. *France - Asie*, "The Testament of Khun Burom", from the translation by Auguste Pavie, pp.385 - 387 in English pp. 1053 - 1055 in French, Vol XII, Saigon: 1956.
5. Grant Evans (1999) *Laos: Culture and Society*, Silkworm Books, Chiang Mai, Thai Land.
6. Hoài Nguyên (1995) *Lào: Đất nước và con người*, Nxb. Thuận Hóa.
7. Khăm Bang Chăn Nha Vông (1973) *Hội xíp xông khong xíp xi*.
8. Khamma Vongsa, Oun Kham, *Phongsavadan Lao* (in Lao), Vientian, Laos: Viengkrung Press, 1969.
9. Ministry of Education, *Seminary of History of Laos in Laos* by Committee Coucil Research, Vientiane, Laos: Ministry of Education, 1971.
10. Maha Xilavilavong (1964) *History of Laos*.
11. Nguyễn Duy Thiệu (2006), Văn hóa và Nhân học Văn hóa: Trường hợp cộng đồng người Việt tại Lào, Hội thảo dự án "Cộng đồng người Việt ở Lào" ngày 24 - 26 tháng 4 năm 2006, Viêng Chăn, Lào.
12. Phạm Đức Dương (1994), *Tìm hiểu Lịch sử và Văn hóa Lào*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, tr. 150 - 182, Nxb. KHXH, Việt Nam.